TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HC-PT
Ngày 25 tháng 02 năm 2020

*V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi đất, phê duyệt dự án đền bù, giải phóng mặt bằng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 302/2013/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2013 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi đất, phê duyệt dự án đền bù, giải phóng mặt bằng".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 21/2013/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Quan Thị B, sinh năm 1942. Địa chỉ: số 18, ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Quan Thị B:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1979 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Hồng L (vắng mặt), sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Số 18 ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 09, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Phước Thọ, Văn phòng luật sư Thành Danh - Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số B 65/4 Lương Đình Của, ấp Tư, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, bà Hương đề nghị xét xử vắng mặt ông Thọ).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lữ Quang N – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Trương Văn T – Trưởng phòng Quy hoạch – Xây dựng – Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp (có mặt).

Ông Trần Minh K- Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1979 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Hồng Loan, sinh năm 1964 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: Số 18 ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07/7/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 562/QĐ-TgT về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long đến năm 2010.

Ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Vĩnh Long có Công văn số 470/UB về việc "Triển khai xây dựng Khu công nghiệp, khu tái định cư Hòa Phú và Cổ Chiên", trong đó Khu công nghiệp Cổ Chiên thuộc địa bàn xã Thanh Đức (Long Hồ) và xã Mỹ An (Mang Thít), dọc 02 bên tỉnh lộ 31 từ phà Đình Khao đến cầu Cá Lốc, quy mô khoảng 200 ha.

Ngày 25/7/2002, Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa VI ra Nghị quyết số 32/2002/NQ.HĐNDK6 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2001-2005, trong đó phê duyệt xây dựng tăng 1.667 ha.

Ngày 09/10/2002, Thủ tướng ban hành Quyết định số 909/QĐ-TgT về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất đai 05 năm (2001-2005) tỉnh Vĩnh Long. Theo đó, Khu công nghiệp Bắc Cổ Chiên (Thanh Mỹ 2 và Sơn Đông), diện tích 148,36 ha; Khu công nghiệp Thanh Đức (Cái Sơn) diện tích 90 ha.

Để triển khai thực hiện:

- Ngày 14/01/2003, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 49/QĐ-UB về việc "Thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến dân cư và tuyến công nghiệp Cổ Chiên, tỉnh Vĩnh Long".

- Ngày 07/10/2003, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến dân cư và tuyến công nghiệp Cổ Chiên lập Tờ trình số 336/TTr-HĐĐB&GPMB về việc đề nghị phê duyệt phương án đền bù và giải phóng mặt bằng xây dựng khu IV, tuyến công nghiệp Cổ Chiên.

Từ đó ngày 16/10/2003, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 3565/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng khu IV tuyến công nghiệp Cổ Chiên theo tờ trình 336/TTr-HĐĐB&GPMB.

Ngày 03/3/2004, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 394/QĐ-UB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu 4 và khu 5 tuyến công nghiệp Cổ Chiên thuộc huyện Long Hồ và huyện Mang Thít.

Ngày 09/4/2004, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 908/QĐ-UB về việc thu hồi và giao 301.357,3m^2 đất tại xã Thanh Đức, huyện Long Hồ và xã Mỹ An, huyện Mang Thít cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 – tuyến công nghiệp Cổ Chiên. Theo Quyết định số 908/QĐ-UB thì bà Quan Thị B có diện tích đất "dự kiến" bị thu hồi là: 3.969m^2 đất thổ vườn (trong đó có 601m^2 công trình phụ, 100m^2 nhà tường, 24m^2 nhà tạm) thuộc các thửa 123AB và 124 cùng 1.528m^2 đất xây dựng (trong đó có 582m^2 công trình phụ) thuộc các thửa 123AB-1 + 122 + 301AB và 48m^2 đất nghĩa địa thuộc thửa số 125. Tổng cộng là 5.545m^2.

Ngày 04/3/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long có Tờ trình số 331/TrT.STNMT về việc đính chính danh sách thu hồi đất. Theo đó Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị đính chính Bảng tổng hợp diện tích đất "dự kiến" thu hồi theo hiện trạng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng tuyến công nghiệp Cổ Chiên (khu IV) do Sở lập ngày 10/11/2003 bằng "Danh sách các trường hợp thu hồi đất theo hiện trạng sử dụng thuộc công trình xây dựng tuyến Công nghiệp Cổ Chiên".

Ngày 18/3/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 473/QĐ-UBND về việc thống nhất bảng tổng hợp danh sách các trường hợp thu hồi đất. Theo hành Quyết định số 473/QĐ-UBND thì bà Quan Thị B có diện tích đất bị thu hồi vẫn là 3.969m^2 đất thổ vườn (trong đó có 601m^2 công trình phụ, 100m^2 nhà tường, 24m^2 nhà tạm) thuộc các thửa 123AB và 124 cùng 1.528m^2 đất xây dựng (trong đó có 582m^2 công trình phụ) thuộc các thửa 123AB-1 + 122 + 301AB và 48m^2 đất nghĩa địa thuộc thửa số 125. Tổng cộng là 5.545m^2.

Không đồng ý với Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 và Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long, ngày 15/8/2011 và ngày 30/12/2011 bà Quan Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 3565/QĐ-UBND và một phần Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 theo hướng loại trừ phần đất diện tích 5.545m^2 của bà ra khỏi phần đất bị thu hồi của khu IV – tuyến công nghiệp Cổ Chiên có diện tích chung là 301.357,3m^2. Lý do bà yêu cầu hủy 02 Quyết định trên là vì: Đến nay Ban quản lý các Khu công nghiệp là chủ đầu tư vẫn chưa tiếp xúc, bàn bạc, thỏa thuận với người có quyền sử dụng đất; UBND huyện Long Hồ chưa ban hành Quyết định thu hồi đất của từng hộ gia đình, cá nhân theo quy định; việc quy hoạch khu IV – tuyến công nghiệp Cổ Chiên trở thành dự án treo hơn 07 năm chưa thực hiện.

Tại biên bản đối thoại ngày 20/8/2012, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Quan Thị B – ông Nguyễn Phú K trình bày: Bà Quan Thị B vẫn giữ yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004. Đồng thời bà yêu cầu UBND tỉnh Vĩnh Long phải thực hiện theo Luật đất đai năm 2003; không đồng ý bồi thường theo Nghị định số 22/1998/NĐ-CP. Bà Quan Thị B cho rằng Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 không được tống đạt cho các hộ dân; UBND huyện Long Hồ chưa thực hiện Điều 3 của Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 về việc thu hồi quyền sử dụng đất của các hộ dân bị thu hồi. Bà đề nghị chủ đầu tư phải thỏa thuận với các hộ dân về việc chuyển nhượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đại diện người bị kiện trình bày:

UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 căn cứ vào Điều 12, 13, 15 Luật sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 1998; Điều 19, 23 Luật sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 2001. Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 908/QĐ-UB, Sở Tài nguyên và Môi trường có mời các bên liên quan đến tại phần đất thu hồi để công bố và giao Quyết định số 908/QĐ-UB cho các cơ quan có liên quan. Riêng đối với các hộ dân bị thu hồi đất thì giao cho Chủ tịch UBND xã Thanh Đức và xã Mỹ An công bố và niêm yết danh sách các hộ dân có đất bị thu hồi tại trụ sở UBND xã.

Quyết định số 908/QĐ-UB được xác định là Quyết định thu hồi chi tiết chứ không phải Quyết định thu hồi tổng thể.

Việc bồi thường căn cứ vào Điều 6, 8, 9 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998. Do đó, phía người bị kiện yêu cầu thỏa thuận là không đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Các bà thống nhất với lời trình bày của ông K (người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện).

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 21/2013/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 23, Điều 28 Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2001); Điều 32, 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích Quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 30, Điều 103, Điều 104, Điều 163 Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quan Thị B về việc: yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án đền bù, giải tỏa mặt bằng xây dựng khu IV tuyến công nghiệp Cổ Chiên và hủy bỏ một phần Quyết định 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long theo hướng loại trừ phần đất diện tích 5.545m^2 của bà ra khỏi phần đất bị thu hồi của khu IV – tuyến công nghiệp Cổ Chiên có diện tích chung là 301.357,3m^2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo Luật định.

Ngày 12/11/2013, người khởi kiện bà Quan Thị B có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy bỏ một phần Quyết định 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long, loại trừ phần đất diện tích 5.545m^2 của bà ra khỏi phần đất bị thu hồi của khu IV – tuyến công nghiệp Cổ Chiên; hủy bỏ Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 25/11/2013, người khởi kiện bà Quan Thị B có đơn kháng cáo bổ sung giải trình nội dung kháng cáo đã nêu trước đó.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho bà Quan Thị B yêu cầu: Hủy án sơ thẩm với lý do ngày 25/12/2007 UBND tỉnh Vĩnh Long có Quyết định số 2658 giao 30.045,9m^2 đất cho Công ty TNHH Bio Feed II. Trong đó có 5.545m^2 đất của bà B, Công ty đem thế chấp ngân hàng, ngân hang khởi kiện, không đưa Ngân hàng tham gia là vi phạm tố tụng.

Nếu không hủy bản án sơ thẩm thì yêu cầu sửa bản án sơ thẩm xử hủy 02 Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long với các lí do:

UBND huyện Long Hồ ra quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà B nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định thu hồi đất là không đúng thẩm quyền.

Hai là, Quyết định số 908 và số 3565 Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long không căn cứ vào quy hoạch hàng năm mà căn cứ vào quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ để thu hồi đất là không đúng.

B là, danh sách thu hồi đất năm 2004 đến năm 2008 mới ban hành danh sách chính thức (quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường áp giá số 3565 trước khi có quyết định thu hồi đất số 908 là ngược quy trình; việc áp giá đền bù không đúng theo Điều 8 Nghị định 22 của Chính phủ, thu hồi đất, sử dụng không đúng mục đích sử dụng, việc ra quyết định nhân danh Chủ tịch (cá nhân) chứ không phải quyết định của UBND tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Vĩnh Long cho rằng việc UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành 02 quyết định (số 3565 và số 908) phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ và quyết định thu hồi đất ghi Chủ tịch là không chính xác nhưng nội dung ban hành là đúng.

Sau khi có quyết định thu hồi đất, UBND tỉnh Vĩnh Long cũng có bố trí cho hộ bà B 01 nền tái định cư và 3.200 m^2 đất sản xuất là thực hiện đúng theo chính sách thu hồi đất, giải tỏa đền bù, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Quan Thị B.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Quan Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của bà Quan Thị B làm trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét về nội dụng vụ án thì thấy:

Bà Quan Thị B khởi kiện đòi hủy Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/3/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng tại khu IV tuyến khu công nghiệp Cổ Chiên và yêu cầu hủy bỏ 01 phần Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 9/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi 301.357,3 m^2 đất tại 02 khu công nghiệp Phú Hòa và Bắc Cổ Chiên, loại bỏ diện tích đất gia đình bà bị thu hồi là 5.545 m^2 ra khỏi phần diện tích đất bị thu hồi như trên. Việc bà Quan Thị B khởi kiện 02 Quyết định 3565 và Quyết định số 908/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính là đúng thẩm quyền.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 09/10/2002, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 909/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2001-2005) tại tỉnh Vĩnh Long. Quyết định này ghi: Khu công nghiệp Cổ Chiên địa điểm thu hồi là xã Thanh Mỹ và xã Sơn Đông. Khu công nghiệp Thạnh Đức là xã Cái Sơn là không đúng địa điểm, nên ngày 10/3/2017, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 317/QĐ-TTg điều chỉnh lại đặc điểm thu hồi đất. Khu công nghiệp Bắc Cổ Chiên là xã Thanh Đức, huyện Long Hồ; khu công nghiệp Thạnh Đức là xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Việc đính chính lại quyết định như trên của Thủ tướng Chính phủ là phù hợp với các tài liệi mà trước đây UBND tỉnh Vĩnh Long trình Thủ tướng phê duyệt nên không có căn cứ cho rằng 5.545 m^2 đất của bà B bị thu hồi nằm ngoài diện tích đất đã được phê duyệt làm dự án của 02 khu công nghiệp nói trên.

Sau khi có quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ số 909/QĐ-TTg ngày 9/10/2002; sau khi có Nghị quyết số 32/2002/NQ-HĐNDK6 ngày 25/7/2002 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2001-2005). Trong đó có đất xây dựng tăng 1.667 ha, ngày 16/10/2003 UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 3565/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án giải tỏa đền bù; ngày 3/3/2004, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 394/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi tiết khu 4 tuyến công nghiệp Cổ Chiên thuộc huyện Long Hồ. Sau khi có Nghị quyết số 32/2002 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh tăng thêm 1.667 ha, đến ngày 09/4/2004 thì Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 908/QĐ-UBND về việc thu hồi 301.357,3 m^2 đất tại xã Thạnh Đức, huyện Long Hồ và xã Mỹ An, huyện Mang Thít giao cho Ban quản lí dự án để xây dựng khu IV tuyến công nghiệp Cổ Chiên. Đây là việc thu hồi đất sử dụng với mục đích phát triển kinh tế và lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng. Việc thu hồi được thực hiện trước ngày 01/7/2004 nên được điều chỉnh theo Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và 2001.

Việc UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 14/01/2003 về việc thành lập Hội đồng đền bù, giải phóng mặt bằng, sau đó ra Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 phê duyệt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, rồi đến ngày 09/4/2004 ra Quyết định số 908/QĐ-UBND về việc thu hồi đất. Việc UBND ra quyết định phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng vào ngày 16/10/2003 đến ngày 9.4.2004 ra quyết định thu hồi đất (Từ khi ra quyết định phê duyệt giá đền bù đến khi ra quyết định thu hồi đất gần 6 tháng) giá đất không biến động, việc phê duyệt phương án đền bù trước, ra quyết định thu hồi đất sau như trên - phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ. Sau khi có các quyết định nêu trên, Hội đồng giải tỏa đền bù giải quyết bồi thường cho bà Quan

Thị B với số tiền là 565.090.000đ theo biên bản làm việc tháng 12/2003 (BL 125). Bà B không chịu nhận số tiền trên, ngày 01/7/2007, Hội đồng giải tỏa đền bù đã gửi tiết kiệm số tiền trên cho bà B (BL 264).

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 về việc phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng; Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 về việc thu hồi đất. Việc UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành 02 quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền và trình tự ban hành. Ban hành đúng theo quy định của pháp luật. Việc bà Quan Thị B khởi kiện đòi hủy Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 về việc phê duyệt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, xây dựng khu IV tuyến công nghiệp Cổ Chiên và đòi hủy 01 phần Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi đất, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà B như trên là đúng quy định của pháp luật. Bà B kháng cáo có nêu ra quyết định nhân danh Chủ tịch UBND tỉnh để ra quyết định là không đúng về hình thức ban hành văn bản, nhưng xét về nội dung thì việc ban hành văn bản trên là đúng thẩm quyền, nên không cần thiết phải hủy 02 quyết định nêu trên của UBND tỉnh Vĩnh Long.

[3] Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện liểm sát phù hợp với nhận định trên nên được ghi nhận.

[4] Do bà B là người cao tuổi nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Ba.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Quan Thị B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Áp dụng khoản 2 Điều 18; khoản 2 Điều 23; Điều 28 Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi bổ sung, năm 2001; Điều 32, Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 30; Điều 103; Điều 104; Điều 163 Luật tố tụng hành chính năm 2015 và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quan Thị B về việc yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 và yêu cầu hủy bỏ 01 phần quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Long theo hướng loại trừ phần đất 5.545m^2 của bà Ba ra khỏi phần đất bị thu hồi của khu IV tuyến công nghiệp Cổ Chiên có diện tích chung 301.357,3m^2.

Các quyết định còn lại của án sơ thẩm xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Quan Thị B được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm, bà đã dự nộp 200.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 014059 ngày 12/11/2013 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, số tiền này được trả cho bà B.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/02/2020.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án, ĐTT-15b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung